TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỌ XUÂN** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2019/HS-ST
Ngày 26 - 02 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỌ XUÂN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Thanh Bình - Cán bộ hưu trí

Bà Đỗ Thị Phương - Giáo viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Tỉnh - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2019/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 02 năm 2019;

Đối với bị cáo: **Nguyễn Hữu T**, sinh ngày 03 tháng 8 năm 2002 tại: xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu B và bà Nguyễn Thị N; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu T*: ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1966, nơi cư trú: thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; là bố của bị cáo, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu T:* Ông Lê Bá Mai, Trợ giúp viên pháp lý, công tác tại: Chi nhánh số 5, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Văn C, sinh năm 1994, nơi cư trú: thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1971, nơi cư trú: thôn P, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; có mặt.

2. Chị Đỗ Thị Lan A, sinh năm 2005, nơi cư trú: thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, nơi cư trú: khu, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/8/2018, Nguyễn Hữu T đi chơi cùng bạn là Đỗ Thị Lan A (sinh năm 2005) bằng xe đạp của Lan A. Khi đi ngang qua nhà anh Lê Văn C, sinh năm 1994, ở thôn B, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, T nhìn thấy có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu sơn xanh - bạc - đen, biển kiểm soát 36D1 - 439.XX đang dựng ở sân trước nhà không có người trông giữ, nên nảy sinh ý định lấy trộm xe để sử dụng. Tiến bảo Lan A chở đến cầu Bích Phương rồi bảo Lan A về trước để T đi có việc riêng. Sau khi Lan A về, T đi bộ quay lại nhà anh C; T đi lại vị trí dựng chiếc xe máy, phát hiện thấy chìa khóa xe đang cắm ở ổ khóa điện. T quan sát thấy không có người trong nhà liền dắt chiếc xe máy ra khỏi cổng đi bộ khoảng 4m đến 5m, sau đó T nổ máy đi lên đường Cảng hàng không Thọ Xuân đứng, đến khoảng 22 giờ 30 phút T đi xe máy trộm cắp được về nhà cất giấu ở vườn mía sau nhà. Đến ngày 30/8/2018 T tháo chắn bùn sau có gắn biển kiểm soát của xe ra cất giấu ở bãi mía và đem xe máy lên cửa hàng trang trí xe máy T G của anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989, ở khu, thị trấn L, huyện T, tỉnh Thanh Hóa mua một bộ tem trùm màu xanh trắng, phía trên có số 36 chạy dọc theo tem để thay vào bộ tem cũ của xe. Sau đó T còn hai lần đến của hàng T G để thay đổi thêm một số chi tiết như gắn thêm 02 đèn trợ sáng vào chân gương chiếu hậu của xe, thay xi nhan sau của xe bằng xi nhan cúc áo, lắp thêm 01 dây đèn Led chạy dọc chắn bùn sau và thay 01 chiếc ống pô SC. Mục đích T thay đổi các chi tiết trên xe như vậy nhằm để chủ sở hữu không phát hiện ra xe trộm cắp.

Đến ngày 13/11/2018, Nguyễn Hữu T điều khiển xe đi trên đường liên xã thuộc địa phận xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân thì bị Tổ tuần tra của Đội Cảnh sát Giao thông Công an huyện Thường Xuân phát hiện tham gia giao thông không đội mũ bảo hiểm, xe không có biển kiểm soát nên đã yêu cầu dừng xe và kiểm tra giấy tờ. Do Nguyễn Hữu Tiến không xuất trình được đăng ký xe máy, nên Đội Cảnh sát giao thông Công an huyện Thường Xuân đã tạm giữ xe tra cứu thông tin của xe xác định chủ sở hữu là anh Lê Văn C và đã thông báo cho anh C biết việc Công an huyện Thường Xuân đang tạm giữ xe trên. Nhận được thông báo anh

C đã đến Công an huyện Thường Xuân và xác nhận xe máy trên chính là xe máy của anh bị kẻ gian lấy trộm vào ngày 27/8/2018. Sau đó anh C đã báo cáo vụ việc cho Công an huyện Thọ Xuân để điều tra theo thẩm quyền.

Sau khi nhận được tin báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã điều tra xác minh vụ việc. Quá trình điều tra Nguyễn Hữu T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình. Ngày 13/12/2018 Nguyễn Hữu T đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc ống pô xe máy mà T đã thay thế.

Bà Nguyễn Thị N là mẹ đẻ T đi làm cỏ tại bãi mía đã nhặt được phần chắn bùn sau có gắn biển kiểm soát của xe 36D1 - 439.XX. Ngày 19/11/2018, bà N đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Ngày 20/11/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã ra Yêu cầu định giá số 43/CSĐT. Tại Bản kết luận định giá số 40/KL-HĐĐG ngày 23/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện Thọ Xuân kết luận giá trị còn lại của chiếc xe máy là 42.741.000 đồng.

Về phần dân sự: Nguyễn Hữu T và gia đình đã thỏa thuận, thống nhất với anh Lê Văn C chịu trách nhiệm sửa chữa khôi phục lại hiện trạng ban đầu của chiếc xe máy cho anh C. Anh C đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì.

Về vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu sơn xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 36D1 - 439.XX; 01 đuôi dè chắn bùn sau của xe máy Exciter 150 màu đen, có gắn biển kiểm soát 36D1 - 439.XX; 01 pô xe máy Exciter 150 màu đen. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Lê Văn C.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTX ngày 30/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Hữu T thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu sơn xanh- bạc- đen, biển kiểm soát 36D1-439.XX của anh Lê Văn C ở thôn B, xã X, huyện Thọ Xuân đúng như nội dung Cáo trạng đã nêu; bị hại là anh Lê Văn C có ý kiến đồng ý với nội dung Cáo trạng nêu và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Đề nghị áp dụng: khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 99; khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T từ 12 tháng đến 15 tháng tù. Về hình phạt bổ sung: đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo T. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét. Về án phí: buộc bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí theo quy định.

Người bào chữa của bị cáo T thống nhất với ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh cũng như điều luật áp dụng, không đồng ý với hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị; Người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về điều kiện, hoàn cảnh dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo; về tính chất, mức độ

hành vi phạm tội của bị cáo; về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và đề nghị áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo Điều 91, 96 Bộ luật hình sự, tuyên áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo T.

Bị cáo T và người đại diện hợp pháp đồng ý với ý kiến tranh luận của người bào chữa và không có ý kiến tranh luận gì khác; lời nói sau cùng bị cáo nhận tội và xin được hưởng khoan hồng của pháp luật, được giảm nhẹ mức hình phạt.

Bị hại không có ý kiến tranh luận với luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị xem xét xử lý vụ án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời trình bày của bị hại, lời khai của người làm chứng, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 27/8/2018, Nguyễn Hữu T đã có hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 150, màu sơn xanh-đen-bạc, biển kiểm soát 36D1-439.22 của anh Lê Văn C có giá trị 42.741.000đ (Bốn mươi hai triệu bảy trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

Khi phạm tội bị cáo Nguyễn Hữu T đã trên 16 tuổi, nên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm; bị cáo thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thọ Xuân truy tố bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Trong vụ án này bị cáo chỉ vì muốn có phương tiện để sử dụng cho cá nhân, khi thấy có sự sơ hở, mất cảnh giác của người quản lý tài sản, đã bất chấp pháp luật, lợi dụng để chiếm đoạt tài sản của người khác. Vụ án xảy ra đã gây nên tâm lý hoang mang, bất bình trong nhân dân, đồng thời gây mất trật tự trị an, làm ảnh hưởng đến sự an toàn xã hội; Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Trong thời

gian gần đây tội phạm trộm cắp tài sản, đặc biệt là ở các vùng nông thôn đang diễn biến phức tạp, gây tâm lý hoang mang, lo lắng cho người dân. Loại tội phạm này ngày càng hoạt động chuyên nghiệp, tinh vi, trong khi ý thức bảo vệ tài sản của người dân thì vẫn còn sơ hở. Do vậy, việc đưa vụ án ra xét xử đối với bị cáo và lên một mức án nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả gây ra là cần thiết nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, tuyên truyền ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo T đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo cùng với gia đình đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường khắc phục thiệt hại cho bị hại; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và tại phiên tòa bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra khi phạm tội bị cáo mới 16 tuổi 24 ngày, nên bị cáo được áp dụng quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại các điều 91 và Điều 101 Bộ luật hình sự để xem xét khi xử lý.

[5] Về nhân thân: Bị cáo T tuổi đời còn trẻ, lẽ ra bị cáo phải chịu khó học tập, rèn luyện bản thân để trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội, nhưng bị cáo lại không chịu khó học tập, rèn luyên, mà ham chơi, thích hưởng thụ, sống buông thả dẫn đến phạm tội. Vì vậy, cần phải xử lý v ụ án thật nghiêm, tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội đồng thời cũng là bài học đối với những ai đang có ý định thực hiện tội phạm.

[6] Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo về việc áp dụng biện pháp tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo T. Hội đồng xét xử xét thấy việc áp dụng biện tư pháp giáo dục tại trường giáo dưỡng đối với bị cáo T không đảm bảo hiệu quả giáo dục đối với bị cáo và không có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm nên không chấp nhận.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử, xét thấy cần thiết phải xử phạt bị cáo T bằng hình phạt tù và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo tính giáo dục, răn đe và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và khi phạm tội bị cáo đang ở độ tuổi dưới 18 tuổi, nên xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, yên tâm cải tạo sớm trở về hòa nhập với cộng đồng xã hội; xử phạt bị cáo mức án như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo là người chưa thành niên, bị cáo không có tài sản riêng, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: giữa bị cáo T và gia đình đã tự nguyện thỏa thuận với anh C và đã khắc phục xong thiệt hại, anh C không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

[10] Về vật chứng vụ án: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu sơn xanh - đen - bạc, biển kiểm soát 36D1 - 439.XX, 01 đuôi dè chắn bùn sau của xe máy Exciter 150 màu đen, có gắn biển kiểm soát 36D1 - 439.22 và 01 pô xe máy Exciter 150 màu đen Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thọ Xuân đã trả lại cho anh Lê Văn C là phù hợp.

[11] Qúa trình điều tra xác định chị Đỗ Thị Lan A, anh Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N không biết việc Nguyễn Hữu T trộm cắp chiếc xe máy của anh Lê Văn C nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm là đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Tuyên bố: bị cáo Nguyễn Hữu T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu T 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: không xem xét.

3. Về án phí: bị cáo Nguyễn Hữu T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: bị cáo Nguyễn Hữu T, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều

30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Thọ Xuân;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Công an huyện Thọ Xuân;
- Chi cục THADS huyện Thọ Xuân;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người đại diện hợp pháp;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Minh Tiến